

BẠO LỰC TINH THẦN TRONG MỐI QUAN HỆ HẸN HÒ Ở SINH VIÊN

Đào Thị Khánh Linh và Bùi Thị Thu Huyền*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Bùi Thị Thu Huyền, email: huyenbtt@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 9/5/2026. Ngày sửa bài: 27/7/2026. Ngày nhận đăng: 29/7/2026.

Tóm tắt. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng mức độ và biểu hiện bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên và các yếu tố ảnh hưởng đến bạo lực tinh thần ở sinh viên. Nghiên cứu thực hiện theo thiết kế cắt ngang với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện. Tổng số 333 sinh viên từ năm thứ nhất đến năm thứ tư ở một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội tham gia nghiên cứu bằng việc trả lời phiếu khảo sát do nhóm nghiên cứu thiết kế. Kết quả phân tích sử dụng các phép thống kê mô tả và suy luận cho thấy sinh viên trong mẫu nghiên cứu có bị bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò và phần lớn ở mức trung bình (ĐTB = 1,92); trong đó biểu hiện chịu đựng kiểm soát là phổ biến nhất (ĐTB = 1,96). Mức độ bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên không có sự khác biệt theo các tiêu chí như: giới tính, năm học, khối ngành. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ gây ra bạo lực tinh thần cho đối phương trong mối quan hệ hẹn hò được nghiên cứu, yếu tố văn hóa và định kiến giới có ảnh hưởng nhiều nhất ($r = 0,64$); trong khi đó xu hướng chịu đựng bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi yếu tố kiểu gắn bó ($r = 0,47$). Nghiên cứu cũng phát hiện sự chồng chéo vai trò giữa người gây ra bạo lực tinh thần với người bị bạo lực tinh thần. Những nguyên nhân và bàn luận về kết quả nghiên cứu cũng được đề cập trong bài báo này.

Từ khóa: Bạo lực tinh thần, mối quan hệ hẹn hò, sinh viên, yếu tố ảnh hưởng, biểu hiện

**PSYCHOLOGICAL VIOLENCE IN DATING RELATIONSHIP
AMONG UNIVERSITY STUDENTS**

Dao Thi Khanh Linh and Bui Thi Thu Huyen*

Hanoi National University of Education, Hanoi, Vietnam

*Corresponding author: Bui Thi Thu Huyen, email: huyenbtt@hnue.edu.vn

Received May 9, 2026. Revised July 27, 2026. Accepted July 29, 2026.

Abstract. This study investigates the prevalence and manifestations of psychological violence in dating relationships among university students, and the factors associated with such violence. The study employed a cross-sectional design using convenience sampling. A total of 333 first- to fourth-year undergraduate students from several universities in Hanoi completed a questionnaire developed by the research team. The results using descriptive and inferential statistical methods showed that students in the sample experienced psychological violence in dating relationships, mostly at a moderate level ($M = 1.92$), with tolerance of controlling behavior being the most common manifestation ($M = 1.96$). The level of psychological violence in dating relationships among students did not differ according to criteria such as gender, year of study, and field of study. Among the factors influencing the risk of inflicting psychological violence on a partner, cultural factors and gender stereotypes had the greatest influence ($r = 0.64$), whereas attachment style had the greatest impact ($r = 0.47$) on the tendency to tolerate psychological violence. Simultaneously, there was an overlap in roles between the perpetrator and the victim. The causes and discussion of the research results are also addressed in this paper.

Keywords: psychological violence, dating relationships, students, influencing factors, manifestations.

1. Mở đầu

Bạo lực hẹn hò được hiểu là “bất kì hành vi bạo lực nào về mặt cảm xúc, thể chất, lạm dụng tình dục, theo dõi hoặc lạm dụng qua mạng xảy ra trong mối quan hệ giữa hai người, trong đó ít nhất một người là thanh thiếu niên. Loại bạo lực này khá phổ biến ở thanh thiếu niên, với tỉ lệ hiện hành cao nhất được ghi nhận ở nhóm tuổi từ 18 đến 22” (García-Ruiz & nnk, 2024, tr.2). Hai tác giả Anderson và Danis (2007) đưa ra quan niệm cụ thể hơn khi cho rằng bạo lực hẹn hò là sự đe dọa hoặc việc thực sự sử dụng hành vi lạm dụng thể chất, tình dục, hoặc lời nói của một thành viên trong một cặp đôi chưa kết hôn đối với thành viên còn lại trong bối cảnh một mối quan hệ hẹn hò. Định nghĩa này phản ánh sự đồng thuận rộng rãi hơn giữa các nhà nghiên cứu rằng bạo lực trong hẹn hò dường như có ba khía cạnh: lạm dụng thể chất, lạm dụng tâm lý và lạm dụng tình dục. Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC) cho rằng các hành vi này có thể biểu hiện dưới dạng đe dọa, theo dõi, kiểm soát, ghen tuông cực đoan, sỉ nhục hoặc gây tổn thương đối với bạn tình. Trong đó, bạo lực tinh thần hay bạo lực tâm lý (psychological violence) là loại hình ít được nhận diện nhưng gây hậu quả dai dẳng, bao gồm thao túng cảm xúc (khiến đối phương cảm thấy tội lỗi hoặc phụ thuộc), hạ thấp giá trị bản thân (chê bai, xúc phạm, làm giảm lòng tự trọng), cô lập xã hội (kiểm soát và hạn chế các mối quan hệ xã hội) và đe dọa chấm dứt mối quan hệ nhằm gây áp lực hoặc kiểm soát đối phương. Các thuật ngữ về hình thức bạo lực sử dụng trong các tài liệu có thể khác nhau, trong bài báo này thuật ngữ “bạo lực tinh thần và bạo lực tâm lý” được dùng với ý nghĩa tương đương nhau.

Nghiên cứu thực trạng bạo lực trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên trên thế giới đã cho thấy bức tranh khá phong phú, nhiều màu sắc trong đó có bạo lực kinh tế, bạo lực tình dục, bạo lực thể chất, song bạo lực hẹn hò về tinh thần thường là hình thức phổ biến nhất. Trong một nghiên cứu được thực hiện tại các trường đại học tại Andalusia cho thấy có tới 49,71% sinh viên báo cáo từng là nạn nhân của bạo lực tâm lý, hay có tới 81,8% sinh viên tại Brazil từng bị bạo lực tâm lý (Lê và nnk, 2026, tr. 63 -66). Thực tế này cũng được ghi nhận trên mẫu phụ nữ và sinh viên Việt Nam (Nguyễn, 2019; Nguyễn, 2020). Theo số liệu điều tra quốc gia lần thứ 2 về bạo lực với phụ nữ năm 2019 do Tổng cục thống kê thực hiện cho thấy bạo lực tinh thần do chồng/bạn tình gây ra là hình thức bạo lực phổ biến nhất mà phụ nữ Việt Nam đề cập (chiếm 47,0%). Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn & Nguyễn (2026) trên 1.130 sinh viên tại 6 trường đại học ở Hà Nội cho thấy có tới 71,42% sinh viên từng trải qua ít nhất một hình thức bạo lực hẹn hò, trong đó bạo lực tinh thần chiếm tỉ lệ cao nhất (64,07%). Đồng thời, 54,69% sinh viên thừa nhận từng thực hiện hành vi bạo lực hẹn hò, với bạo lực tinh thần là hình thức phổ biến nhất (48,14%).

Các yếu tố ảnh hưởng đến bạo lực hẹn hò ở sinh viên có thể được xem xét ở nhiều cấp độ khác nhau, từ góc độ văn hóa (gồm chuẩn mực giới hay tình trạng bất bình đẳng giới và tảo hôn, trình độ học vấn thấp...) hay góc độ xã hội (kinh tế nghèo đói, bạo lực trong gia đình, truyền thông và mạng xã hội...) hay góc độ cá nhân (căng thẳng tâm lý, bất chước và hiểu biết về bạo lực...) (Lê và nnk, 2026, tr.69-75). Trong các nghiên cứu về bạo lực nói chung và bạo lực hẹn hò nói riêng theo tiếp cận tâm lý học, một trong những yếu tố được quan tâm lí giải như một yếu tố có khả năng dự báo hành vi bạo lực nói chung đó là kiểu gắn bó. Hazan và Shaver (1987) cho rằng những cá nhân có gắn bó không an toàn (insecure attachment), đặc biệt là kiểu gắn bó lo âu hoặc tránh né dễ có nguy cơ gây ra hoặc trở thành nạn nhân của bạo lực tinh thần. Nghiên cứu gần đây nhất cũng cung cấp thêm dữ liệu khẳng định kiểu gắn bó cùng với trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và hành vi bạo lực trong mối quan hệ thân mật là những biến có mối quan hệ với nhau (Sampaio & nnk, 2026).

Bạo lực dù diễn ra theo hình thức nào đều có tác động tiêu cực đến sức khỏe, học tập, thu nhập và cơ hội của phụ nữ và sinh viên nữ. Nạn nhân thường trải qua sự suy giảm lòng tự trọng, lo âu, rối loạn cảm xúc và cảm giác tội lỗi kéo dài (Follingstad và nnk, 1990). Nghiên cứu cho thấy bạo lực tinh thần thường lặp đi lặp lại, tích lũy theo thời gian và có thể dẫn đến bạo lực thể chất hoặc tình dục nếu không được can thiệp (Dodaj và nnk, 2020). Trong thời đại công nghệ số,

các hành vi này còn mở rộng sang không gian mạng như kiểm soát tài khoản, đọc tin nhắn, lăng mạ hoặc theo dõi bạn tình trên mạng xã hội, đây được gọi là bạo lực hẹn hò trên không gian số (cyber dating abuse) (Zweig và nnk, 2013). Đối với sinh viên -nhóm những người đang trong giai đoạn hình thành bản sắc và phát triển cảm xúc (Erikson, 1968), nên bạo lực tinh thần dễ bị hiểu lầm là sự quan tâm hay yêu thương. Wolfe & Jaffe (1999) chỉ ra rằng nhiều nạn nhân không ý thức được hành vi xâm hại bởi chúng thường được bao phủ dưới hình thức “ghen tuông vì yêu” hoặc đòi hỏi hy sinh. Theo Shorey và nnk (2008), sự thiếu kỹ năng nhận diện bạo lực phi thể chất và xu hướng lí tưởng hóa tình yêu đầu đời dẫn đến phụ thuộc cảm xúc. Nhiều sinh viên dù bị kiểm soát, thao túng hay cô lập vẫn cho rằng điều đó là bình thường, khiến bạo lực tinh thần kéo dài âm thầm (Follingstad và cộng sự, 1990; Shorey và cộng sự, 2008). Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò không chỉ để lại hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe tâm lí mà còn có khả năng chống chọi và phát triển thành các dạng bạo lực khác (Dodaj và nnk, 2020; Zweig và nnk, 2013). Tuy nhiên vấn đề này vẫn còn là một khoảng trống trong các nghiên cứu tiếp cận dưới góc độ tâm lí học ở Việt Nam, vẫn còn thiếu vắng các nghiên cứu chỉ ra hành vi cụ thể của bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò, nhất là ở lứa tuổi sinh viên. Bên cạnh đó việc tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên, khả năng dự báo những yếu tố này cũng chưa được quan tâm nhiều trong các nghiên cứu tâm lí học ở trong nước.

Từ những nghiên cứu trên đặt ra câu hỏi liệu bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay có những biểu hiện như thế nào? mức độ phổ biến ra sao? Bài báo này góp phần làm rõ vấn đề trên và hướng đến hai mục đích nghiên cứu chính: (1) khảo sát thực trạng mức độ và các biểu hiện bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên; (2) phân tích yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chấp nhận/duy trì bạo lực tinh thần ở sinh viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số gợi ý cho sinh viên, gia đình và nhà trường nhằm nâng cao nhận thức, phòng ngừa và hỗ trợ sinh viên xây dựng các mối quan hệ hẹn hò lành mạnh, an toàn.

2. Các vấn đề nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 333 sinh viên thông qua phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện, số liệu được thu thập bằng hình thức trực tiếp trong đó nhóm nghiên cứu đến từng lớp hướng dẫn sinh viên trả lời, giải đáp thắc mắc của sinh viên và thu phiếu tại lớp. Trong số mẫu thu được và qua sàng lọc cho kết quả có 287 sinh viên đã từng ở trong mối quan hệ hẹn hò và xác nhận đã từng bị bạo lực tinh thần và/hoặc là người gây ra bạo lực tinh thần cho đối tác và 46 sinh viên chưa từng ở trong mối quan hệ hẹn hò. Khảo sát được thực hiện với sinh viên từ năm thứ 1 đến năm thứ 4, tuy nhiên sinh viên năm thứ hai (87 sinh viên) và năm thứ ba (122 sinh viên) chiếm tỉ lệ nhiều hơn. Trong số 333 sinh viên, sinh viên nữ chiếm phần nhiều hơn với số lượng 174 (52,3%); sinh viên nam chiếm 44,7% (tương đương 149 sinh viên); còn lại 10 sinh viên không muốn trả lời chiếm tỉ lệ 3%.

Khách thể khảo sát được sàng lọc qua 2 giai đoạn: giai đoạn 1 từ kết quả của tất cả sinh viên được hỏi sẽ loại trừ những sinh viên chưa từng ở trong mối quan hệ hẹn hò (N=46); sau đó ở giai đoạn 2, chỉ những sinh viên báo cáo đã từng hoặc đang ở mối quan hệ hẹn hò (N= 287) mới được tiếp tục khảo sát sâu để tìm hiểu những biểu hiện hành vi bạo lực tinh thần và những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi bạo lực ở cả phía nạn nhân và người thực hiện.

Sinh viên tham gia trả lời bảng khảo sát được cung cấp đầy đủ thông tin về nghiên cứu và chỉ sau khi kí cam kết tham gia nghiên cứu sinh viên sẽ trả lời bảng khảo sát. Nhóm nghiên cứu cũng có nói rõ việc tham gia nghiên cứu là tự nguyện và sinh viên có quyền từ chối, rút lui tham gia mà không bị ảnh hưởng gì. Ngoài ra việc gọi lại những trải nghiệm bị bạo lực có thể khiến

sinh viên có những cảm xúc không mong muốn, nhóm nghiên cứu cũng đã gợi ý những địa chỉ phù hợp, dễ tiếp cận để sinh viên có thể tìm kiếm sự hỗ trợ nếu cần.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu của khách thể nghiên cứu

Tổng N = 333	Đặc điểm nhân khẩu	Phân loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
	Giới tính	Nam	149	44,7
		Nữ	174	52,3
		Không muốn trả lời	10	3,0
	Năm học	Năm thứ Nhất	47	14,1
		Năm thứ Hai	87	26,1
		Năm thứ Ba	122	36,6
		Năm thứ Tư	77	23,1
	Nhóm ngành	Khoa học xã hội	117	35,1
		Khoa học tự nhiên	120	36,0
		Khác	96	28,8
	Tình trạng mối quan hệ	Đang/ đã từng ở trong mối quan hệ hẹn hò	287	86,2
		Chưa từng có mối quan hệ hẹn hò	46	13,8

2.2. Công cụ nghiên cứu

Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng công cụ nghiên cứu do nhóm nghiên cứu tự thiết kế dựa trên tham khảo một số công cụ đã có như Thang đo Chiến thuật giải quyết xung đột - Revised Conflict Tactics Scales (Straus và nnk, 1996) với cấu trúc như sau:

+ Thang đo biểu hiện hành vi bạo lực gồm 2 phần: Biểu hiện hành vi của người bị bạo lực tinh thần và biểu hiện hành vi của người gây ra bạo lực tinh thần. Mỗi phần gồm 30 items (mệnh đề) tương ứng với 3 biểu hiện của hành vi bạo lực tinh thần (như chỉ trích, hạ thấp giá trị đối phương, thao túng cảm xúc bằng cách đe dọa hoặc gây cảm giác tội lỗi, kiểm soát các mối quan hệ xã hội và cô lập nạn nhân khỏi bạn bè gia đình). Khách thể được yêu cầu đánh giá mức độ xuất hiện của mỗi biểu hiện/hành vi đối với từng mệnh đề trong việc mô tả trải nghiệm cá nhân theo thang điểm Likert 4, mức độ từ 1 (Hiếm khi, 1-2 lần/3 tháng qua), mức độ 2 (Thi thoảng, 2-4 lần/3 tháng qua) và mức độ 3 (Thường xuyên, 5-8 lần/3 tháng qua) đến mức độ 4 (Luôn luôn, hơn 8 lần/3 tháng qua). Độ tin cậy của thang đo ở mức độ tốt với Cronbach Alpha = 0,97 (biểu hiện của người bị bạo lực tinh thần) và 0,94 (hành vi của người gây ra hành vi bạo lực tinh thần).

+ Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến việc duy trì hoặc tiếp tục gây ra hành vi chịu đựng/gây ra bạo lực tinh thần ở sinh viên gồm 33 item tương ứng với 7 yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến việc duy trì hành vi chịu đựng/gây ra bạo lực tinh thần ở sinh viên. Khách thể được yêu cầu đánh giá mức độ đồng ý của bản thân đối với mỗi nhận định trong việc mô tả cảm nhận của cá nhân về bản thân theo thang điểm Likert 5, mức độ từ 1 (Hoàn toàn không đúng với tôi) đến 5 (Hoàn toàn đúng với tôi). Thang đo có hệ số Cronbach Alpha = 0,96 cho thấy thang đo có độ tin cậy đảm bảo.

+ Căn cứ vào ĐTB và ĐLC, nghiên cứu chia hành vi bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên theo 4 mức như sau: 1,00 - 1,75: Thấp; 1,76 - 2,50: Trung bình; 2,51 - 3,25: Cao; 3,26 - 4,00: Rất cao.

2.3. Thực trạng bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên

Thông qua khảo sát với 287 sinh viên đã được sàng lọc ở giai đoạn 1 xác nhận đã từng và đang trong mối quan hệ hẹn hò, chúng tôi thu được kết quả có 130 sinh viên (chiếm 45,30 %) cho biết đã từng trải qua (là nạn nhân) bạo lực tinh thần. Về phía người thực hiện/ gây ra bạo lực tinh thần, có 101 sinh viên (chiếm 35,20%) thừa nhận đã từng có hành vi (người gây ra) bạo lực tinh thần đối với người yêu. Đáng chú ý, có 58 sinh viên (chiếm 25,10%) rơi vào nhóm vừa từng trải qua bạo lực tinh thần vừa từng gây ra bạo lực tinh thần, cho thấy sự tồn tại của hiện tượng chồng lấn vai trò giữa nạn nhân và người gây bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên.

2.3.1. Biểu hiện bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò

Phân khảo sát này được thực hiện trên 130 sinh viên báo cáo đã từng trải qua bạo lực tinh thần hay là nạn nhân của bạo lực tinh thần trong tổng số 333 sinh viên thực hiện khảo sát:

Bảng 2. Tần suất xuất hiện bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò (N=130)

	Biểu hiện hành vi	Điểm trung bình*	Độ lệch chuẩn
Người bị bạo lực tinh thần	Chỉ trích, hạ thấp giá trị bản thân của đối phương	1,90	0,74
	Thao túng cảm xúc bằng cách đe dọa hoặc gây cảm giác tội lỗi	1,92	0,72
	Kiểm soát các mối quan hệ xã hội, cô lập nạn nhân khỏi bạn bè gia đình	1,96	0,76
Người gây ra hành vi bạo lực tinh thần	Chỉ trích, hạ thấp giá trị bản thân của đối phương	1,96	0,62
	Thao túng cảm xúc bằng cách đe dọa hoặc gây cảm giác tội lỗi	2,40	0,81
	Kiểm soát các mối quan hệ xã hội, cô lập nạn nhân khỏi bạn bè gia đình	2,20	0,76

Kết quả cho thấy cả sinh viên từng trải qua và sinh viên thực hiện bạo lực tinh thần đều ở mức trung bình. Ở phía người bị bạo lực, các hành vi “kiểm soát và cô lập khỏi các mối quan hệ xã hội” là phổ biến nhất và thường diễn ra ở mức “thỉnh thoảng”, cho thấy tính âm thầm và dễ bị bình thường hóa của bạo lực tinh thần. Ở phía người gây bạo lực, hành vi “thao túng cảm xúc” là nổi bật nhất, trong khi các hành vi chỉ trích trực tiếp ít gặp hơn, phản ánh xu hướng sử dụng các hình thức bạo lực gián tiếp, tinh vi trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên.

Kết quả kiểm định cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ chịu đựng bạo lực tinh thần giữa các nhóm giới tính ($t = 0,49$, $p = 0,49 > 0,05$), giữa các năm học với giá trị $F = 1,35$, $p = 0,26 > 0,05$ cũng như giữa các khối ngành ($F = 2,74$, $p = 0,06 > 0,05$). Điều này cho thấy mặc dù vẫn ghi nhận sự chênh lệch nhẹ về điểm trung bình giữa các nhóm, nhưng sự khác biệt về mức độ bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò không có ý nghĩa thống kê ở sinh viên theo các đặc điểm nhân khẩu như giới, năm học hay ngành học.

2.4. Yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận hoặc duy trì bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò của sinh viên

Bảng 3 dưới đây cho thấy nhóm yếu tố chủ quan (ĐTB= 2,53; ĐLC= 0,82) được sinh viên đánh giá có ảnh hưởng nhiều hơn yếu tố khách quan (ĐTB=2,42; ĐLC=0,81) trong việc sinh viên chấp nhận hoặc duy trì hành vi bạo lực tinh thần.

Bảng 3. Yếu tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận hoặc duy trì hành vi bạo lực tinh thần

<i>Yếu tố chủ quan</i>	Yếu tố	ĐTB	ĐLC
	Kiểu gắn bó	2,51	0,90
	Trải nghiệm bạo lực trong thời thơ ấu	2,41	1,04
	Kiểu nhân cách	2,59	0,94
	Kĩ năng kiểm soát cảm xúc	2,60	0,92
ĐTB tổng yếu tố chủ quan		2,53	0,82
<i>Yếu tố khách quan</i>	Truyền thông và mạng xã hội	2,40	1,01
	Sự hỗ trợ xã hội	2,35	0,92
	Văn hóa và định kiến giới	2,75	1,06
ĐTB tổng yếu tố khách quan		2,42	0,81

Với nhóm yếu tố chủ quan, ĐTB của yếu tố “Kĩ năng kiểm soát cảm xúc” và “Kiểu nhân cách” được sinh viên đánh giá có ảnh hưởng nhiều nhất ở mức độ tương đương nhau với ĐTB=2,60 và ĐTB=2,59. Với nhóm yếu tố khách quan, yếu tố “Văn hóa và định kiến giới” có ĐTB cao rõ rệt hơn so với 2 yếu tố còn lại, cho thấy yếu tố liên quan đến thiên kiến được sinh viên tự đánh giá có vai trò quan trọng đối với việc chấp nhận hoặc duy trì hành vi bạo lực tinh thần của sinh viên trong mối quan hệ hẹn hò ở các tác động bên ngoài xã hội.

3. Kết quả phân tích hồi quy khả năng dự báo bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên

Chúng tôi tìm hiểu khả năng dự báo bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên với cả nhóm yếu tố khách quan và chủ quan thông qua kết quả kiểm định hồi quy tuyến tính bội, kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Nhóm yếu tố chủ quan với đối tượng bị bạo lực và gây ra bạo lực tinh thần

		R²	β	B	VIF	Sig.
<i>Nhóm yếu tố chủ quan đối với người bị bạo lực tinh thần</i>	Kiểu gắn bó	0,202	0,292	0,226	3,272	0,042
	Trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu		0,209	0,146	1,918	0,057
	Kiểu nhân cách		0,131	0,125	2,922	0,333
	Kĩ năng kiểm soát cảm xúc		-,159	-1,47	1,959	0,152
<i>Nhóm yếu tố chủ quan đối với người gây ra bạo lực tinh thần</i>	Kiểu gắn bó	0,325	0,233	0,205	1,874	0,022
	Trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu		0,139	0,096	1,398	0,112
	Kiểu nhân cách		0,220	0,166	1,412	0,013
	Kĩ năng kiểm soát cảm xúc		0,181	0,138	1,978	0,082

Với các yếu tố chủ quan đối với người bị bạo lực tinh thần (nạn nhân), kết quả hồi quy tuyến tính bội cho thấy mô hình dự báo hành vi chịu đựng bạo lực tinh thần có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0,000), các biến giải thích được 20,2% phương sai hành vi này ($R^2 = 0,202$). Trong các biến đưa vào mô hình, “kiểu gắn bó” là yếu tố dự báo duy nhất có ý nghĩa thống kê, có tác động thuận đến hành vi chịu đựng bạo lực ($B = 0,226$; $\beta = 0,292$; $p < 0,05$). Các biến khác gồm “trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu”, “kiểu nhân cách và kĩ năng kiểm soát cảm xúc” không đạt mức ý nghĩa, nên không tham gia vào phương trình dự báo cuối cùng.

Dựa trên biến có ý nghĩa thống kê, phương trình hồi quy được viết như sau:

$$Y = 1,126 + 0,226X + \varepsilon$$

Phương trình cho thấy khi kiểu gắn bó tăng 1 đơn vị, thì mức độ chịu đựng bạo lực tinh thần tăng trung bình 0,226 đơn vị, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Hằng số hồi quy 1,126 phản ánh mức độ chịu đựng bạo lực tinh thần khi kiểu gắn bó bằng 0.

Đối với các yếu tố chủ quan với người gây ra bạo lực tinh thần (thủ phạm hay người thực hiện), kết quả hồi quy cho thấy mô hình dự báo hành vi gây bạo lực tinh thần có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig} = 0,000 < 0,05$), các biến giải thích được 32,5% phương sai. Trong các biến, “kiểu gắn bó” ($p = 0,022$) và “kiểu nhân cách” ($p = 0,013$) là hai yếu tố dự báo có ý nghĩa. Ngược lại, “trải nghiệm bạo lực thời thơ ấu và kỹ năng kiểm soát cảm xúc” không đạt ý nghĩa thống kê trong mô hình. Các chỉ số Tolerance $> 0,5$ và VIF < 2 , trong đó có biến “kiểu gắn bó” và “kiểu nhân cách” có chỉ số $2 < \text{VIF} < 5$ nằm trong ngưỡng có thể chấp nhận, chứng tỏ không xảy ra đa cộng tuyến và kết quả hồi quy đáng tin cậy.

Dựa trên các biến có ý nghĩa thống kê, phương trình hồi quy được viết như sau:

$$Y = 0,403 + 0,205X_1 + 0,166X_2 + \varepsilon$$

Phương trình hồi quy cho hành vi gây bạo lực tinh thần cho thấy: khi kiểu gắn bó tăng 1 đơn vị thì mức độ gây ra bạo lực tinh thần tăng trung bình 0,205 đơn vị, và khi đặc điểm nhân cách tăng 1 đơn vị thì mức độ gây bạo lực tinh thần tăng trung bình 0,166 đơn vị (trong điều kiện các biến khác không đổi). Hằng số hồi quy 0,403 thể hiện mức độ gây bạo lực tinh thần cơ sở khi các biến độc lập bằng 0.

Bảng 5. Nhóm yếu tố khách quan với đối tượng bị bạo lực và gây ra bạo lực tinh thần

		R ²	β	B	VIF	Sig.
Nhóm yếu tố khách quan đối với người bị bạo lực tinh thần	Truyền thông và mạng xã hội	0,158	0,315	0,207	2,118	0,054
	Sự hỗ trợ xã hội		0,273	0,209	2,387	0,115
	Văn hóa và định kiến giới		-,112	-,088	3,057	0,563
Nhóm yếu tố khách quan đối với người gây ra bạo lực tinh thần	Truyền thông và mạng xã hội	0,282	0,265	0,141	1,663	0,052
	Sự hỗ trợ xã hội		0,088	0,053	1,253	0,798
	Văn hóa và định kiến giới		0,312	0,193	1,598	0,020

Với các yếu tố khách quan đối với người bị bạo lực, kết quả cho thấy các biến độc lập gồm “truyền thông và mạng xã hội”, “sự hỗ trợ xã hội”, “văn hóa và định kiến giới” đều không đạt ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$, do vậy không có giá trị dự báo hành vi bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hện hò ở sinh viên. Cụ thể, biến “truyền thông và mạng xã hội” có hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa $B = 0,207$, hệ số chuẩn hóa $\beta = 0,315$, với giá trị $\text{Sig.} = 0,054$, cho thấy xu hướng tác động cùng chiều đến hành vi chịu đựng bạo lực tinh thần, tuy nhiên mức ý nghĩa thống kê chỉ tiệm cận ngưỡng cho phép và chưa đạt mức $p < 0,05$; Biến “sự hỗ trợ xã hội” có hệ số $B = 0,209$, $\beta = 0,273$, với $\text{Sig.} = 0,115$, cho thấy mối quan hệ cùng chiều nhưng không có ý nghĩa thống kê; biến “văn hóa và định kiến giới” có hệ số hồi quy $B = -0,088$, hệ số chuẩn hóa $\beta = -0,112$, với $\text{Sig.} = 0,563$.

Kết quả hồi quy tuyến tính bội cho thấy mô hình dự báo nhóm yếu tố khách quan với người gây ra bạo lực tinh thần có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.} = 0,000 < 0,05$), ba biến giải thích 28,2% phương sai của hành vi này. Trong đó, “văn hóa và định kiến giới” là yếu tố dự báo có ý nghĩa thống kê ($\beta = 0,312$; $p = 0,020$), cho thấy khi mức độ ảnh hưởng của định kiến văn hóa tăng thì hành vi gây bạo lực tinh thần cũng tăng theo. Biến “truyền thông & mạng xã hội” có xu hướng dự báo ($\beta = 0,265$) nhưng chưa đạt mức ý nghĩa ($p = 0,052$), trong khi sự hỗ trợ xã hội không có ảnh hưởng đáng kể ($p = 0,449$). Các chỉ số thuộc nhóm yếu tố khách quan đối với người gây ra bạo lực có Tolerance $> 0,1$ và VIF < 2 , chứng tỏ mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Dựa trên các biến có ý nghĩa thống kê, phương trình hồi quy được viết như sau:

$$Y = 1,313 + 0,193X + \varepsilon$$

Phương trình hồi quy cho thấy khi văn hóa và định kiến giới tăng 1 đơn vị thì mức độ gây ra bạo lực tinh thần tăng trung bình 0,193 đơn vị, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Hằng số hồi quy 1,313 phản ánh mức độ gây ra bạo lực tinh thần khi ảnh hưởng của văn hóa và định kiến giới bằng 0.

4. Bàn luận

Nghiên cứu này của chúng tôi góp phần làm rõ hơn bức tranh về thực trạng bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò cũng như yếu tố ảnh hưởng đến việc duy trì hoặc chấp nhận hành vi này trên mẫu thanh niên một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bạo lực tinh thần là nguy cơ tiềm ẩn nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe tâm thần của thanh niên, tuy nhiên nhiều nạn nhân không ý thức được hành vi này bởi chúng thường được hợp thức hoá dưới hình thức vì yêu nên mới ghen hoặc đòi hỏi sự hy sinh (Wolfe & Jaffe, 1999). Nhiều sinh viên dù bị kiểm soát, thao túng hay cô lập vẫn cho rằng điều đó là bình thường, khiến bạo lực tinh thần kéo dài âm thầm (Follingstad và nnk, 1990; Shorey và nnk, 2008).

Kết quả cho thấy không có sự khác biệt về mặt giới tính, năm học hay nhóm ngành học, cho thấy trong mối quan hệ hẹn hò hành vi bạo lực tinh thần hoàn toàn có thể xảy ra với bất kì ai, dù người đó là nam hay nữ, là sinh viên năm nhất hay sinh viên năm tư, là người học nhóm ngành khoa học xã hội hay nhóm ngành khoa học tự nhiên. Điều đó tương đồng với các nghiên cứu của Atay (2021) trong nghiên cứu về hành vi bạo lực tinh thần ở sinh viên đại học cho thấy không tồn tại sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ trong cả hành vi duy trì và chấp nhận bạo lực tinh thần. Tương tự, Muñoz-Rivas và nnk (2007) cũng ghi nhận mức độ bạo lực tinh thần trong hẹn hò xuất hiện ở cả hai giới với tỉ lệ tương đương. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho ra kết luận khác với một số tác giả trên thế giới khi kết quả của họ cho rằng có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ. Chẳng hạn, Hines và Saudino (2003) nghiên cứu trên mẫu sinh viên đại học đã phát hiện nữ giới tự báo cáo mức độ gây ra bạo lực tâm lý cao hơn nam giới. Tương tự, Foshee (1996) trong nghiên cứu trên thanh thiếu niên cũng ghi nhận sự khác biệt theo giới trong một số biểu hiện bạo lực tinh thần. Những phát hiện này cho thấy trong một số bối cảnh và nhóm tuổi nhất định, giới tính có thể liên quan đến mức độ tham gia vào hành vi bạo lực tinh thần. Chúng tôi cho rằng sự tồn tại song song của hai nhóm kết quả về sự khác biệt giới tính trong bạo lực tinh thần có thể phụ thuộc vào bối cảnh văn hóa, độ tuổi mẫu nghiên cứu, phương pháp đo lường và cách định nghĩa hành vi bạo lực. Ở nhóm sinh viên đại học thì bạo lực tinh thần có thể phản ánh những khuôn mẫu chung của mối quan hệ hơn là sự chi phối của vai trò giới. Điều này có thể lí giải vì sao nghiên cứu của chúng tôi không có sự khác biệt theo giới tính. Với tiêu chí về năm học hay khối ngành đều tương đồng với kết quả của các nghiên cứu trên thế giới. Rubio-Garay và nnk (2017) đã phân tích tỉ lệ bạo lực hẹn hò trên thế giới và ghi nhận rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong dữ liệu tỉ lệ bạo lực giữa các nghiên cứu dựa trên năm học hay khối ngành, điều này cho thấy bạo lực tinh thần và các hình thức bạo lực khác xảy ra khá phổ biến mà không phụ thuộc nhiều vào biến như năm học hay nhóm ngành của sinh viên.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của chúng tôi cũng làm rõ về yếu tố ảnh hưởng đến việc duy trì hoặc chấp nhận hành vi bạo lực tinh thần. Trong các yếu tố chủ quan, kết quả nghiên cứu cho thấy kiểu gắn bó là yếu tố dự báo nhiều nhất đối với hành vi duy trì và chấp nhận bạo lực tinh thần, điều này có thể được lí giải trên nền tảng của lí thuyết gắn bó của Bowlby (1969/1982) và các phát triển sau này của Hazan và Shaver (1987). Simpson và nnk (1996) chỉ ra rằng cá nhân có gắn bó lo âu thường có mức độ phụ thuộc cảm xúc cao, sợ bị từ chối và đánh giá thấp giá trị bản thân, từ đó dễ chấp nhận hành vi tiêu cực từ bạn tình để tránh nguy cơ bị bỏ rơi. Về mặt cơ chế tâm lý, kiểu gắn bó ảnh hưởng đến cách cá nhân diễn giải hành vi của đối phương. Người có gắn bó lo âu có thể xem bạo lực tinh thần là biểu hiện của “quan tâm” hoặc là hệ quả tất yếu của xung đột, từ đó hợp lí hóa và tiếp tục duy trì mối quan hệ. Trong khi đó, người có gắn bó né tránh có xu hướng giảm thiểu tầm quan trọng của tổn thương, né tránh đối diện với xung đột hoặc cảm

xúc tiêu cực, khiến hành vi bạo lực tinh thần kéo dài mà không được xử lý triệt để. Do đó, kiểu gắn bó không chỉ ảnh hưởng đến cách cá nhân phản ứng trước bạo lực tinh thần mà còn định hình mức độ họ chấp nhận và duy trì mối quan hệ có yếu tố bạo lực. Với nhóm yếu tố khách quan, văn hóa và định kiến giới là yếu tố duy nhất có ý nghĩa thống kê trong dự báo hành vi gây ra bạo lực tinh thần. Điều này có thể được lý giải bởi lý thuyết cho rằng hành vi trong mối quan hệ hẹn hò không chỉ xuất phát từ đặc điểm nhân cách mà còn chịu sự chi phối mạnh mẽ từ hệ giá trị và chuẩn mực văn hóa mà cá nhân đã hình thành trong suốt quá trình sống và trải nghiệm. Trong nhiều bối cảnh văn hóa, nhất là văn hóa Á Đông trong đó có Việt Nam nam giới được gắn liền với vai trò kiểm soát, quyết đoán và quyền lực trong khi nữ giới được kì vọng nhẫn nhịn, duy trì hòa khí và làm tất cả để giữ vững mối quan hệ. Khuôn mẫu này vô hình chung biến những biểu hiện của bạo lực tinh thần trở nên bình thường ở trong mối quan hệ. Vai trò giới được thể hiện rõ nét hơn ở thanh niên và có thể củng cố các hành vi mang tính rập khuôn mẫu mạnh. Chẳng hạn như sự thống trị của nam giới và phục tùng của nữ giới (Smith & Donnelly, 2000). Flood và Pease (2009) chỉ ra rằng các chuẩn mực giới trước đây có liên hệ chặt chẽ với việc tha thứ và duy trì bạo lực trong mối quan hệ thân mật. Khi cá nhân chấp nhận các chuẩn mực có sẵn họ thường có xu hướng bao biện cho hành vi bạo lực tinh thần và tiếp tục duy trì mối quan hệ. Do đó, văn hóa và định kiến giới không chỉ ảnh hưởng đến người gây ra hành vi bạo lực mà còn tác động đến cách xã hội và cách nạn nhân diễn giải, đánh giá và phản ứng với hành vi đó. Khi chuẩn mực văn hóa vẫn còn dung chứa và hợp lý hóa sự bất cân xứng trong mối quan hệ, bạo lực tinh thần luôn có điều kiện để duy trì và tái diễn.

5. Kết luận

Hai mục đích chính đặt ra trong bài báo này đã được làm sáng tỏ: đầu tiên, nghiên cứu đã ghi nhận sinh viên có xu hướng chịu đựng bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò và phần lớn ở mức trung bình, trong đó biểu hiện chịu đựng kiểm soát là phổ biến nhất. Không có sự khác biệt về mức độ bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên theo các tiêu chí như: giới tính, năm học, khối ngành. Cuối cùng, kết quả của nghiên cứu cho thấy yếu tố văn hóa và định kiến giới có khả năng dự báo tốt nhất đến nguy cơ gây ra bạo lực tinh thần cho đối phương trong mối quan hệ hẹn hò và yếu tố kiểu gắn bó có khả năng dự báo mạnh nhất đến xu hướng chịu đựng bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò ở sinh viên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu của chúng tôi vẫn còn một số hạn chế: thứ nhất, nghiên cứu chỉ tiến hành khảo sát trên mẫu sinh viên tại một số trường đại học, do đó khả năng khái quát hóa kết quả cho các nhóm tuổi hoặc nhóm đối tượng khác còn hạn chế; thứ hai, mặc dù mô hình đã xác định được một số yếu tố dự báo hành vi bạo lực tinh thần nhưng chưa đi sâu phân tích cơ chế tác động cũng như vai trò trung gian giữa các biến. Thiết kế nghiên cứu sử dụng mẫu thuận tiện cũng là một hạn chế của nghiên cứu khi chưa đảm bảo sự đa dạng của mẫu cũng như hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu. Đây là những gợi ý về hướng đi cho các nghiên cứu tiếp theo nhằm mở rộng phạm vi mẫu và làm rõ hơn các mối quan hệ tâm lý & xã hội liên quan đến bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò.

Từ những phân tích trên, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị cho sinh viên cũng như các nguồn lực khác để có sự hỗ trợ xã hội phù hợp trong việc phòng ngừa bạo lực tinh thần trong mối quan hệ hẹn hò để có mối quan hệ tình cảm lành mạnh và lành mạnh.

Trước hết, sinh viên cần chủ động tìm hiểu để nâng cao nhận thức về các biểu hiện bạo lực tinh thần, đặc biệt là các hành vi kiểm soát, thao túng cảm xúc và hợp lý hóa dưới danh nghĩa “quan tâm” hoặc “ghen tuông”; Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc, giao tiếp và giải quyết xung đột một cách lành mạnh; Chủ động tìm kiếm hỗ trợ tâm lý khi nhận thấy bản thân có dấu hiệu bị tổn thương hoặc có xu hướng gây tổn thương cho người khác nhằm ngăn ngừa sự leo thang của bạo lực tinh thần.

Sự hỗ trợ và đồng hành của gia đình là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng môi trường tương tác an toàn, ấm áp, tôn trọng và lắng nghe để nuôi dưỡng niềm gắn bó an toàn cho con; Khuyến khích trao đổi cởi mở về tình yêu, cảm xúc và ranh giới cá nhân, giúp sinh viên hình thành nhận thức đúng về mối quan hệ lành mạnh.

Sinh viên cũng rất cần sự hỗ trợ của nhà trường thông qua hoạt động ngoại khóa hoặc học phân chính khóa; tăng cường truyền thông phòng ngừa bạo lực hẹn hò bằng các buổi tọa đàm, workshop hoặc chiến dịch truyền thông trong khuôn viên trường, nhằm nâng cao nhận thức và giúp sinh viên nhận diện sớm bạo lực tinh thần để tìm kiếm trợ giúp kịp thời.

Ghi chú về tác giả: Đào Thị Khánh Linh là sinh viên K72C khoa Tâm lý-giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, PGS. TS. Bùi Thị Thu Huyền là giảng viên khoa Tâm lý-giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả 1: Xây dựng ý tưởng, lựa chọn phương pháp, phân tích dữ liệu, viết bản thảo và chỉnh sửa; Tác giả 2: Xây dựng ý tưởng, khung lý thuyết, giám sát và chỉnh sửa

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, K. M., & Danis, F. S. (2007). Collegiate Sororities and Dating Violence: An Exploratory Study of Informal and Formal Helping Strategies. *Violence Against Women*, 13(1), 87–100. <https://doi.org/10.1177/1077801206294808>
- Atay, Ş. (2021). *Psychological aggression among dating university students: The prediction of attachment styles, rejection sensitivity, and self-compassion* (Master's thesis, Middle East Technical University). <https://open.metu.edu.tr/handle/11511/89782>
- Bowlby, J. (1982). *Attachment and loss: Vol. 1. Attachment* (2nd ed.). Basic Books
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020). *Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi*
- Connell, R. W. (2005) (2nd ed.). *Masculinities*. University of California Press
- Dodaj, A., Sesar, K., & Šimić, N. (2020). Impulsivity and empathy in dating violence among a sample of college females. *Behavioral Sciences*, 10(7), 117. <https://doi.org/10.3390/bs10070117>
- Erikson, E. H. (1968). *Identity: Youth and crisis*. W. W. Norton & Company
- Foshee, V. A. (1996). Gender differences in adolescent dating abuse prevalence, types and injuries. *Health Education Research*, 11(3), 275-286. <https://academic.oup.com/her/article/11/3/275/553650>
- Flood, M., & Pease, B. (2009). Factors influencing attitudes to violence against women. *Trauma, Violence, & Abuse*, 10(2), 125-142. <https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/1524838009334131>
- Follingstad, D. R., Rutledge, L. L., Berg, B. J., Hause, E. S., & Polek, D. S. (1990). The role of emotional abuse in physically abusive relationships. *Journal of Family Violence*, 5(2), 107-120. <https://doi.org/10.1007/BF00978514>
- García-Ruiz, M.; Ruiz-Fernández, M.D.; Jiménez-Lasserrotte, M.d.M.; Fernández-Medina, I.M.; Ventura-Miranda, M. (2024). Gender-Based Dating Violence and Social Media among Spanish Young People: A Qualitative Study. *Behavioral Sciences*, 14, 575. <https://doi.org/10.3390/bs14070575>
- Hazan, C., & Shaver, P. (1987). Romantic love conceptualized as an attachment process. *Journal of Personality and Social Psychology*, 52(3), 511-524. <https://psycnet.apa.org/record/1987-31742-001>

- Hines, D. A., & Saudino, K. J. (2003). Gender differences in psychological, physical, and sexual aggression among college students using the Revised Conflict Tactics Scales. *Violence and Victims*, 18(2), 197-217. <https://connect.springerpub.com/content/sgrvv/18/2/197>
- Lê, M.N., Nguyễn, T.T.H., Hoàng, A.P., Bùi, T.T.H., Đàm, T.V.A., Trần, A.K. (2026). *Tư vấn, hỗ trợ thanh niên, sinh viên bị bạo lực hẹn hò*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Muñoz-Rivas, M. J., Graña, J. L., O'Leary, K. D., & González, M. P. (2007). Aggression in adolescent dating relationships: Prevalence, justification, and health consequences. *Journal of Adolescent Health*, 40(4), 298-304. <https://doi.org/10.1016/j.jadohealth.2006.11.137>
- Nguyễn, H.M. (2019). Bạo lực gia đình ở Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố xã hội ảnh hưởng. *Tạp chí Gia đình và Giới*, 3, 12-22.
- Nguyễn, T.T.Q. (2020). Bạo lực tinh thần trong các mối quan hệ thân mật: Tiếp cận từ góc độ tâm lý xã hội. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 5, 45-54.
- Nguyễn, L.H.A & Nguyễn, T.M.H. (2026). *Thực trạng bạo lực hẹn hò và một số yếu tố liên quan của sinh viên tại một số trường đại học ở Hà Nội năm 2024–2025*. *Tạp chí Y học Dự phòng*, 36(2, Phụ bản), 59-70. <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2026/3097>
- Rubio-Garay, F. J., Carrasco-González, M., & Fariña, F. (2017). The prevalence of dating violence based on bibliographic, contextual and methodological variables: A systematic review. *Papeles del Psicólogo*, 38(3), 163-171. <https://www.papelesdelpsicologo.es/English/2839.pdf>
- Shorey, R. C., Cornelius, T. L., & Bell, K. M. (2008). Behavioral theory and dating violence: A framework for prevention programming. *The Journal of Behavior Analysis of Offender and Victim Treatment and Prevention*, 1(4), 1-13. <https://doi.org/10.1037/h0100452>
- Sampaio, B., Fávero, M., Lanzarote-Fernández, M. D., Sousa-Gomes, V., & Moreira, D. (2026). Adverse Childhood Experiences, Attachment, and Intimate Partner Violence: A Review. *Journal of Aggression, Maltreatment & Trauma*, 35(3), 460-474. <https://doi.org/10.1080/10926771.2026.2627574>
- Straus, M. A., Hamby, S. L., Boney-McCoy, S., & Sugarman, D. B. (1996). The Revised Conflict Tactics Scales (CTS2): Development and preliminary psychometric data. *Journal of Family Issues*, 17(3), 283-316. <https://doi.org/10.1177/019251396017003001>
- Simpson, J. A., Rholes, W. S., & Nelligan, J. S. (1992). Support seeking and support giving within couples in an anxiety-provoking situation: The role of attachment styles. *Journal of Personality and Social Psychology*. <https://psycnet.apa.org/record/1992-37692-001>
- Smith, D. M., & Donnelly, J. (2000). Adolescent Dating Violence: A Multi-Systemic Approach of Enhancing Awareness in Educators, Parents, and Society. *Journal of Prevention & Intervention in the Community*, 21(1), 53-64. https://doi.org/10.1300/J005v21n01_04
- Wolfe, D. A., & Jaffe, P. G. (1999). Emerging Strategies in the Prevention of Domestic Violence. *The Future of Children*, 9(3), 133-144. <https://doi.org/10.2307/1602787>
- Zweig, J. M., Dank, M., Yahner, J., & Lachman, P. (2013). The rate of cyber dating abuse among teens and how it relates to other forms of teen dating violence. *Journal of Youth and Adolescence*, 42(7), 1063-1077. <https://doi.org/10.1007/s10964-013-9922-8>